

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN VĂN TĂNG

KHẢO SÁT NĂNG LỰC VIẾT TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH
TIỂU HỌC DÂN TỘC THÁI TẠI ĐIỆN BIÊN
(Trường hợp huyện Điện Biên Đông)

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam

Mã số: 9229020.04

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Hà Nội - 2025

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Trịnh Cẩm Lan

Phản biện: GS. TS. Nguyễn Văn Hiệp

Phản biện: PGS. TS. Đặng Hảo Tâm

Phản biện: PGS. TS. Trịnh Thị Hà

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân
văn vào hồi 11 giờ 30 ngày 15 tháng 4 năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992 (sửa đổi năm 2013) đã xác định rõ vị thế của tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia và các dân tộc (DT) có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của DT mình. Điều này sẽ giúp tiếng Việt có điều kiện được bảo vệ, phát triển và hiện đại hóa, trở thành công cụ giao tiếp chung của toàn DT Việt Nam.

1.2. Tuy vậy, việc áp dụng mô hình giáo dục cho học sinh (HS) dân tộc thiểu số (DTTS) theo cách dạy-học tiếng Việt và dạy-học bằng tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) và sách giáo khoa (SGK) chung trong cả nước nhìn chung chưa đạt hiệu quả bởi tiếng Việt không phải là tiếng mẹ đẻ của HS DTTS.

1.3. Trong những năm qua, công tác dạy học tiếng Việt cho đồng bào DT Thái ở tỉnh Điện Biên đã được quan tâm với nhiều cách làm ở nhiều mức độ khác nhau song kết quả chưa đạt được như mong muốn.

1.4. Những cảm nhận ban đầu qua tiếp xúc với học sinh và qua trao đổi với giáo viên trực tiếp đứng lớp cho thấy năng lực (NL) tiếng Việt của HS DT Thái chưa cao, đặc biệt là năng lực VIẾT. Nguyên nhân nào có thể ảnh hưởng đến việc viết tiếng Việt của HS khiến đa số các em đều cảm thấy khó khăn như vậy? Những câu hỏi này cần được trả lời một cách thỏa đáng dưới góc độ khoa học để làm cơ sở cho những chính sách, kế hoạch tăng cường giáo dục tiếng Việt cho HS DT Thái nói chung, DT Thái cấp tiểu học tại tỉnh Điện Biên nói riêng. Tuy vậy, đến thời điểm này, chưa có một nghiên cứu chính thống nào khảo sát một cách tổng thể để cho thấy NL tiếng Việt nói chung, NL viết tiếng Việt của HS DT Thái cấp tiểu học nói riêng đang ở mức độ nào? Vì sao HS lại gặp khó khăn ở những môn học liên quan đến VIẾT? Làm thế nào để hỗ trợ các em khắc phục khó khăn này? Để trả lời những câu hỏi đó, chúng tôi quyết định lựa chọn đề tài “Khảo sát năng lực viết tiếng Việt của học sinh tiểu học

dân tộc Thái tại Điện Biên (Trường hợp huyện Điện Biên Đông)" để nghiên cứu.

1.5. Huyện Điện Biên Đông là huyện có đa thành phần DT cư trú đan xen, tỉ lệ DT Thái khá đông (chỉ sau huyện Điện Biên và huyện Tuần Giáo). Nhưng quan trọng, đây là huyện vùng cao, cơ sở hạ tầng và giao thông đi lại khó khăn nhất toàn tỉnh, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến điều kiện đi lại, học tập của HS. Về phía cá nhân, tôi đã có hơn 20 năm công tác trong ngành giáo dục của huyện, nếu được đóng góp một phần nhỏ công sức của mình vào việc nâng cao kết quả học tập của HS trong huyện thì đó là mong muốn tha thiết của tôi. Đó là lí do tôi chọn huyện Điện Biên Đông làm địa bàn khảo sát.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án đặt mục đích khảo sát NL viết tiếng Việt của HS tiểu học DT Thái tại huyện Điện Biên Đông, xác định những nhân tố ảnh hưởng đến NL này và đề xuất một vài giải pháp giúp HS nâng cao NL viết tiếng Việt.

Để thực hiện được mục đích trên, nhiệm vụ của luận án là:

(1) Tổng quan các nghiên cứu về NL ngôn ngữ, NL tiếng Việt, đặc biệt là của HS tiểu học DTTS; (2) Tìm hiểu một số vấn đề lý thuyết cơ bản làm cơ sở cho luận án; (3) Xây dựng bộ công cụ để khảo sát NL viết tiếng Việt; (4) Khảo sát và đánh giá NL viết tiếng Việt của HS DT Thái ở một số trường TH trên địa bàn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên; (5) Xác định một số nhân tố ảnh hưởng đến NL viết của HS và đề xuất một số giải pháp phát triển NL viết tiếng Việt cho HS.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là NL viết tiếng Việt của HS Tiểu học DT Thái tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu là NL viết tiếng Việt của HS lớp 1, 2, 3 học CTGDPT 2018 tại 4 trường TH của 3 xã trên địa bàn huyện

mà không khảo sát lớp 4, 5 vì thời điểm khảo sát, CTGDPT 2018 mới thực hiện được hết lớp 3.

4. Phương pháp, tư liệu và cách thức khảo sát

- Luận án sử dụng phương pháp điền dã, phương pháp miêu tả, phương pháp phân tích định lượng và một số thủ pháp như thống kê - phân loại, mô hình hoá, so sánh khi cần thiết.

- Tư liệu của luận án gồm các nguồn: (1) 383 bài kiểm tra của 383 HS tiểu học DT Thái (nhóm nghiên cứu); (2) 128 bài kiểm tra của 128 HS Kinh và Mông (nhóm chứng); (3) 115 bảng hỏi thu được từ HS và 115 bảng hỏi từ phụ huynh tương ứng. Nguồn tư liệu thứ nhất và thứ hai được xử lý và thống kê bằng bảng kiểm Rubric theo các chỉ số NL thành phần. Nguồn tư liệu thứ ba được xử lý bằng phần mềm phân tích định lượng SPSS để phân tích và tìm ra những tương quan có ý nghĩa.

- Luận án đã tiến hành khảo sát NL viết của HS bằng bộ công cụ đánh giá với từng yêu cầu theo phổ điểm: Kiến thức tiếng Việt (3 điểm), Viết chính tả (3 điểm), Viết câu, đoạn văn (4 điểm).

Việc khảo sát NL viết của HS được thực hiện theo trình tự như sau:

- (1) In màu bộ công cụ;
- (2) Tổ chức tập huấn cho tổ giáo viên hỗ trợ;
- (3) Thống nhất với các đơn vị về thời gian, địa điểm, hình thức khảo sát;
- (4) Tiến hành khảo sát trực tiếp tại trường có sự hỗ trợ của giáo viên;
- (5) Giáo viên phát giấy khảo sát cho HS;
- (6) Thu bài khảo sát phần viết chính tả và nghỉ giải lao 15 phút;
- (7) Tiến hành phát bộ công cụ cho từng HS để viết trực tiếp lên bộ công cụ đánh giá phần kiến thức tiếng Việt, viết câu/ đoạn văn;
- (8) Thu bài, đóng gói tất cả phần khảo sát vào bì và mang về;
- (9) Tiến hành mã hóa tên HS, tên trường, lớp;

(10) Tổ chức chấm và đánh giá theo cặp do tổ giáo viên hỗ trợ chuyên dạy lớp 1, 2, 3 (đã được tập huấn) thực hiện, dưới sự giám sát chung của tác giả luận án và cán bộ phòng Giáo dục;

(11) Căn cứ vào kết quả chấm, tiến hành kiểm đếm, đánh giá, phân loại HS.

Bảng hỏi điều tra các nhân tố xã hội ảnh hưởng đến NL viết của HS được khảo sát trên HS và phụ huynh do các giáo viên phụ trách lớp tiến hành.

- Các mức đánh giá được lượng hóa bằng điểm số cụ thể như sau:

Mức	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
Điểm số	8 - 10	5 - 7	< 5

5. Đóng góp của luận án

Về phương diện lí luận, luận án góp phần chỉ ra rằng để đánh giá đúng NL ngôn ngữ của HS, cần dựa vào những yêu cầu cần đạt của chương trình, cụ thể hoá những yêu cầu đó thành những chuẩn đầu ra (CĐR) cụ thể. Luận án cũng góp phần làm rõ những yếu tố tác động đến NL ngôn ngữ nói chung, NL tiếng Việt của HS DT Thái nói riêng.

Về phương diện thực tiễn, kết quả của luận án có thể góp phần nhỏ giúp ngành giáo dục tỉnh Điện Biên có cái nhìn đầy đủ, khách quan về NL sử dụng tiếng Việt của HS tiểu học người DTTS, từ đó có những chính sách phù hợp giúp HS nâng cao NL này. Kết quả nghiên cứu cũng có thể là nguồn tham khảo cho giáo viên trực tiếp đứng lớp để các thầy cô cân nhắc sử dụng những phương pháp, giải pháp phù hợp giúp nâng cao NL tiếng Việt cho HS DT Thái nói riêng, các DTTS nói chung.

6. Cấu trúc của luận án

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Chương 2: Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực viết tiếng Việt của học sinh tiểu học dân tộc Thái tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

Chương 3: Kết quả khảo sát năng lực viết tiếng Việt của học sinh tiểu học dân tộc Thái tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

Chương 4: Một số nhân tố ảnh hưởng đến năng lực viết và giải pháp nâng cao năng lực viết cho học sinh tiểu học dân tộc Thái tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nghiên cứu trên thế giới về năng lực ngôn ngữ (NLNN)

1.1.1.1. Nghiên cứu NLNN nói chung từ phương diện lý thuyết

Có hai xu hướng cơ bản:

(1) Hướng thứ nhất quan tâm đến các thành tố của NLNN. Theo Chomsky (1965), NLNN là hiểu biết của chúng ta về ngôn ngữ, còn sự hành chức của ngôn ngữ là hoạt động của ngôn ngữ trong thực tế và ngôn ngữ học chỉ có thể nghiên cứu được NLNN, không nghiên cứu được sự hành chức của ngôn ngữ. Hymes (1972) lại hướng tới khía cạnh xã hội và văn hoá của ngôn ngữ và cho rằng NLNN không chỉ là tri thức về ngôn ngữ mà còn là cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh văn hoá-xã hội. Phát triển quan điểm của Hymes về NLGT, Canale và Swain (1980) đã đưa ra mô hình NLGT gồm 3 thành tố cơ bản: NL ngữ pháp, NL chiến lược và NL ngôn ngữ xã hội.

(2) Hướng thứ hai hướng tới việc làm thế nào để phát triển và đánh giá được NLNN. Bachman (1990) cho rằng các yếu tố kiến thức, kỹ năng và chiến lược sử dụng ngôn ngữ phải được phân tích dựa trên các mục tiêu và kết quả học tập mong đợi. Lobanova và Yu. Shunin (2008) thì nghiên cứu đánh giá về các chiến lược học ngôn ngữ trong bối cảnh học tự chủ với sự tập trung vào các yếu tố như động cơ học tập, đánh giá kết quả học tập và hiệu quả của việc áp dụng các chiến lược học tự chủ.

1.1.1.2. Nghiên cứu NLNN từ phương diện thực nghiệm

Từ phương diện thực nghiệm, rất nhiều nhà nghiên cứu đã vận dụng lý thuyết này vào việc nghiên cứu, đánh giá NLNN nói chung, trong đó, có những nghiên cứu NLNN với tư cách là bản ngữ và cũng có những nghiên cứu NLNN với tư cách là ngoại ngữ của người học. Tất nhiên, khái niệm *bản ngữ* hay *ngoại ngữ* ở đây chỉ rất tương đối. Cũng như khái niệm ngôn ngữ thứ nhất (L1) và ngôn ngữ thứ (L2) mà chúng tôi sẽ làm rõ hơn khi trình bày về NL tiếng Việt của HS tiểu học.

Nghiên cứu năng lực ngôn ngữ với tư cách là bản ngữ: Các nghiên cứu năng lực ngôn ngữ với tư cách là bản ngữ từ phương diện thực nghiệm chịu ảnh hưởng rất nhiều của quan điểm cho rằng năng lực bản ngữ chủ yếu là bẩm sinh (Chomsky, 1965). Một số nghiên cứu quan tâm đến những năng lực ngôn ngữ chuyên biệt của HS học như nghiên cứu về sự phát triển hình thái cú pháp của HS (Brown, 1973), nghiên cứu về năng lực ngữ dụng của HS như cách diễn đạt ý nghĩa trong sử dụng (Halliday, 1975), khẳng định tương tác xã hội đóng vai trò lớn trong sự phát triển năng lực ngữ dụng (Tomasello, 2003). Có thể nói, các nghiên cứu NLNN với tư cách là tiếng mẹ đẻ/ bản ngữ rất nhiều như: Graham (1999) đã điều tra để đánh giá sự phát triển khả năng viết tay ở 900 học sinh Mỹ từ lớp 1 đến lớp 9; Bae và Lee (2012) đã đo sự phát triển khả năng viết của 42 học sinh từ lớp hai đến lớp sáu ở Hàn Quốc và nhận thấy trung bình học sinh thể hiện sự tiến bộ ở tất cả các thước đo; ...

Ở phương diện nghiên cứu năng lực ngôn ngữ với tư cách là ngoại ngữ, giới nghiên cứu chú ý nhiều vào NL tiếng Anh của người học. Theo Crystal (2012), tiếng Anh được dạy như ngôn ngữ thứ hai và là ngôn ngữ chính thức ở gần 90 quốc gia. Và có lẽ đây chính là lý do để các hoạt động dạy và học, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao NL tiếng Anh cho người học là một vấn đề được bàn rất nhiều trong các nghiên cứu về NLNN. Thời gian gần đây, vấn đề này đặc biệt được quan tâm ở khu vực

các nước đang phát triển như châu Á, châu Phi, Trung Đông... Việc nghiên cứu NL tiếng Anh ở khu vực này tập trung vào hai nội dung chính: (1) NLNN mà cụ thể là NL ngữ pháp nói chung; và (2) các NL tiếp thụ (nghe, đọc) và sản sinh (nói, viết) ngôn ngữ cụ thể. Đối với NL viết của người học ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu đều cho rằng trong số bốn kỹ năng cơ bản, viết là kỹ năng khó nhất ngay cả đối với người bản ngữ vì nó phức tạp hơn kỹ năng ngôn ngữ khác rất nhiều (Bae, J., & Lee, Y.-S., 2012; Machalla M.A. Megaiab, 2014; Fazal ur Rahman & Jamila Hashmi, 2019; Gustaf B. Skar & Alan Huebner, 2022).

1.1.2. Nghiên cứu ở Việt Nam về NLNN và năng lực tiếng Việt

Các nghiên cứu NLNN ở Việt Nam dù chưa nhiều nhưng cũng thấy rõ hai xu hướng tiêu biểu: (1) *Nghiên cứu NLNN nói chung từ phương diện lý thuyết*; (2) *Nghiên cứu NLNN từ phương diện thực nghiệm*.

Những phạm vi nghiên cứu cụ thể có thể kể đến là khảo sát thực trạng NLNN của học sinh ở một số vùng; hay nghiên cứu nhằm phát triển NLNN cho học sinh các cấp; và nghiên cứu đánh giá NLNN của người học tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ.

1.1.3. Nghiên cứu NL tiếng Việt và năng lực viết tiếng Việt của học sinh DTTS

1.1.3.1. Nghiên cứu NL tiếng Việt của HS DTTS

Các nghiên cứu về NL tiếng Việt của HS DTTS theo hướng thực nghiệm được triển khai theo các cấp học và/hoặc theo các năng lực/kỹ năng thành phần (nghe, nói, đọc, viết) cụ thể. Hồ Xuân Mai (2019) nghiên cứu kỹ năng đọc và viết của HS lớp 5 DT Stiêng, Bùi Thị Luyến (2018) nghiên cứu thực trạng NL tiếng Việt cho HS Khmer bậc trung học cơ sở ở Trà Vinh ở cả 4 kỹ năng thành phần... trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp phát triển NL tiếng Việt của học sinh Khmer trên địa bàn tỉnh như chính sách hỗ trợ của ngành giáo dục, chương trình và SGK, phương pháp giảng dạy...

1.1.3.2. Nghiên cứu NL viết tiếng Việt của HS DTTS

Đây là một hướng được quan tâm hơn cả do vị trí, tầm quan trọng của NL viết trong 4 NL thành phần của NLGT. Phan Thái Bích Thủy (2014) đã nghiên cứu sâu về NL viết tiếng Việt của HS DT Chăm huyện An Phú, tỉnh An Giang qua các bài kiểm tra viết với các tiêu chuẩn như viết đúng chính tả, dùng đúng từ, viết đúng câu, đảm bảo tính liên kết-mạch lạc của văn bản để chuyển tải được thông điệp đến người đọc. Nguyễn Thị Thu Thủy (2017) nghiên cứu thực trạng NL viết của HS DTTS cấp tiểu học khu vực Tây Bắc ở 6 trường tiểu học thuộc 4 tỉnh: Lào Cai, Hòa Bình, Điện Biên, Sơn La. Trần Thị Kim Hoa (2010) đã khảo sát lỗi chính tả và dùng từ tiếng Việt của HS Tày, Nùng ở Việt Bắc.

1.1.4. Nghiên cứu năng lực tiếng Việt của học sinh dân tộc Thái

Đây là phạm vi còn rất ít thành quả. Cho đến nay, theo chúng tôi tiếp cận chỉ có nghiên cứu của Nguyễn Văn Tăng (2016) ở bậc THCS và Trần Chiến Thắng (2017) ở bậc THPT. Cả hai nghiên cứu mới chỉ bước đầu trả lời được câu hỏi “HS mắc những lỗi gì trong quá trình viết tiếng Việt?”.

Những công trình được chúng tôi vừa điểm qua đã cho thấy một phần thực trạng về NL viết tiếng Việt với tư cách là L2 của HS DT Thái hiện nay tại một số địa phương.

1.2. Cơ sở lý thuyết

1.2.1. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến năng lực ngôn ngữ

Trong phần này, luận án trình bày một số khái niệm quan yếu làm cơ sở cho nghiên cứu như khái niệm *năng lực*, *năng lực ngôn ngữ*, *năng lực giao tiếp* và *các mô hình năng lực giao tiếp* của các học giả trên thế giới như Canale, Swain, Celce-Murcia, Noam Chomsky, Hymes ... Luận án cũng giới thiệu mô hình năng lực giao tiếp trong khung tham chiếu châu Âu và quan niệm về sự thành thạo ngôn ngữ (language proficiency). Đó là những cơ sở lý luận và bộ khái niệm công cụ thiết yếu mà luận án sử dụng.

1.2.2. Năng lực tiếng Việt và năng lực viết tiếng Việt

Ở nội dung này, bên cạnh vài nét về NL tiếng Việt với tư cách là bản ngữ (cho HS tiểu học) theo CTGDPT 2018, luận án còn tập trung trình bày về NL viết. NL này được hiểu là khả năng của một người biết sử dụng ngôn ngữ và cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt để diễn đạt ý tưởng của mình bằng ngôn ngữ viết một cách rõ ràng, logic và hiệu quả.

Luận án cũng trình bày cấu trúc năng lực viết theo quan điểm của CTGDPT 2018 (tr. 13). Theo đó, môn Ngữ văn/tiếng Việt phân chia yêu cầu cần đạt về NL viết thành 02 nội dung: (1) Kỹ thuật viết: gồm các yêu cầu về tư thế viết, kỹ năng viết chữ và viết chính tả, kỹ năng trình bày bài viết; (2) Viết câu, đoạn, văn bản gồm: các yêu cầu về quy trình tạo lập văn bản và yêu cầu thực hành viết theo đặc điểm của các kiểu văn bản. Đây là cơ sở quan trọng mà luận án lấy làm chỗ dựa để thực hiện nghiên cứu.

Luận án cũng trình bày về việc CTGDPT 2018 không có sự phân biệt NL tiếng Việt của HS dân tộc Kinh (với tư cách là L1) với HS DTTS (với tư cách là L2). Vì thế, HS DTTS phải đạt được CĐR hay những yêu cầu cần đạt của chương trình giống với DT Kinh và đây là một khó khăn không nhỏ với đối tượng khảo sát của luận án là HS tiểu học DT Thái.

1.2.3. Mục tiêu cần đạt về năng lực viết tiếng Việt đối với học sinh tiểu học

Ở nội dung này, luận án trình bày mục tiêu chung về NL viết tiếng Việt đối với HS tiểu học, đồng thời tập trung trình bày những mục tiêu cụ thể về NL viết từ lớp 1 đến lớp 3. Đó là: yêu cầu về kỹ thuật viết phải biết ngồi đúng tư thế, khoảng cách, cần viết đúng chính tả, từ vựng và ngữ pháp. Khi viết đoạn văn hoặc bài văn đối với lớp 3, HS phải viết được một số câu hoặc đoạn văn ngắn.

1.2.4. Khái quát về lỗi trong sự thể hiện ngôn ngữ viết

Ở nội dung này, luận án trình bày khái niệm lỗi và các bình diện của lỗi theo quan điểm của S.P. Corder và xem đó là cơ sở để phân tích những điểm chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt đối với NL viết của HS.

1.2.5. Công cụ đánh giá năng lực viết

Luận án quan niệm công cụ đánh giá NL viết là các phương tiện, quy trình hoặc tiêu chí được sử dụng để đánh giá và đo lường khả năng viết một ngôn ngữ nào đó của một cá nhân, nó giúp xác định mức độ thành thạo trong sử dụng ngôn ngữ viết. Theo quan điểm của luận án, công cụ đánh giá phải phù hợp với từng đối tượng HS theo các yêu cầu cần đạt của CT.

1.3. Cảnh huống ngôn ngữ xã hội của cộng đồng dân tộc Thái tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

Các thông tin cảnh huống ngôn ngữ cho thấy ngôn ngữ của các nhóm DT ở Điện Biên Đông đều cùng loại hình đơn lập. Người Thái sử dụng tiếng mẹ đẻ hay tiếng Việt ít chịu sự chi phối của môi trường giao tiếp mà chủ yếu bị chi phối bởi đối tượng cùng tham gia giao tiếp.

1.4. Tiểu kết chương 1

Các nghiên cứu liên quan đến NLNN nói chung trên thế giới cũng như ở Việt Nam chủ yếu đều được tiếp cận từ hai phương diện: phương diện lý thuyết và phương diện thực nghiệm.

Nghiên cứu về NL tiếng Việt nói chung, NL viết tiếng Việt nói riêng của HS DTTS tại Việt Nam hiện nay tập trung chủ yếu vào đánh giá thực trạng NL của HS để có thể đưa ra những giải pháp hiệu quả giúp nâng cao NL sử dụng tiếng Việt cho các em nhằm đáp ứng việc tiếp nhận kiến thức của CTGDPT mới.

Các khái niệm như NLNN, NLGT, NL tiếng Việt, NL viết tiếng Việt, cấu trúc của NL viết, những yêu cầu cần đạt đối với NL viết tiếng Việt của CTGDPT 2018 ở các lớp 1, 2, 3 sẽ là những cơ sở quan trọng để luận án khảo sát và đánh giá NL viết tiếng Việt của HS lớp 1, 2, 3 DT Thái tại huyện Điện Biên Đông.

Chương 2. NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VIẾT TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC DÂN TỘC THÁI TẠI HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

2.1. Xây dựng Bộ công cụ khảo sát đánh giá năng lực tiếng việt cho học sinh dân tộc thiểu số

2.1.1. Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực viết của học sinh

Trên cơ sở tham khảo một số bộ công cụ, thang đo như Bộ công cụ để đánh giá NL sử dụng tiếng Việt cho HS DTTS cấp Tiểu học vùng Tây Bắc, Bộ công cụ Rubric, Thang đo đánh giá NL từ vựng, NL ngữ pháp tiếng Việt cho HS DTTS ..., luận án đã dựa vào yêu cầu cần đạt đối với NL viết tiếng Việt của HS tiểu học trong CTGDPT 2018 ở các lớp 1, 2, 3, để xây dựng Bộ công cụ đánh giá NL viết tiếng Việt. Mỗi bộ công cụ cho mỗi khối lớp đều gồm có 3 yêu cầu: (1) Yêu cầu về kiến thức tiếng Việt; (2) Yêu cầu về viết chính tả; (3) Yêu cầu về viết câu, đoạn văn.

Mỗi yêu cầu trên gồm một vài chỉ số NL thành phần tương đương với các chuẩn đầu ra (CĐR) thành phần và được thiết lập trên nguyên tắc bám sát CĐR chung của Bộ GD&ĐT. Các nội dung đánh giá được cụ thể hóa bằng các câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm khách quan, tự luận hoặc hình thức khác (chính tả nghe viết hoặc nhớ viết). Mỗi chỉ số NL thành phần tương ứng với ba mức: *Chưa hoàn thành (mức 1)*, *Hoàn thành (mức 2)*, *Hoàn thành tốt (mức 3)*.

2.1.2. Xây dựng công cụ khảo sát ảnh hưởng của các nhân tố xã hội đến năng lực viết của học sinh

Bên cạnh Bộ công cụ khảo sát NL viết của HS, luận án đã xây dựng công cụ để khảo sát ảnh hưởng của các nhân tố xã hội đến NL viết bằng cách xây dựng một bảng hỏi dành cho phụ huynh gồm 11 câu hỏi với thông tin chung và thông tin sử dụng ngôn ngữ, thái độ ngôn ngữ. Bảng hỏi cho HS gồm 13 câu cũng với 2 nội dung như trên.

2.2. Tiểu kết chương 2

Luận án đã tiến hành xây dựng Bộ công cụ khảo sát và đánh giá NL viết tiếng Việt của HS tiểu học DT Thái ở Điện Biên Đông với tư cách tạm gọi là ngôn ngữ thứ 2 dựa trên những yêu cầu cần đạt về NL viết tiếng Việt cho HS tiểu học từ lớp 1 đến lớp 3 theo Chương trình GDPT 2018. Đồng thời, luận án đã mô tả chi tiết phương pháp chọn mẫu, phương pháp khảo sát, phương pháp phân tích đánh giá và xử lý tư liệu sau khi đã khảo sát thực tế.

Chương 3

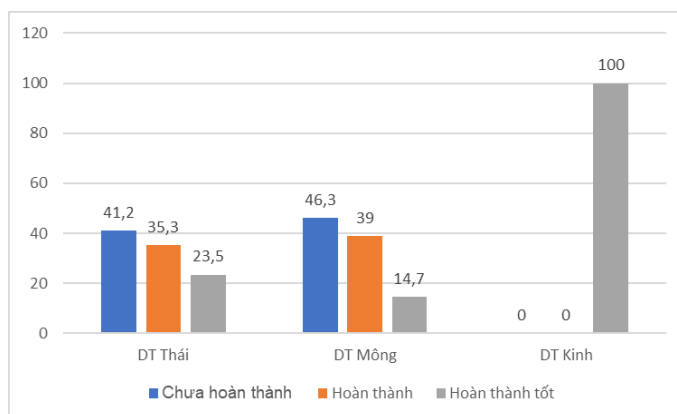
KẾT QUẢ KHẢO SÁT NĂNG LỰC VIẾT TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC DÂN TỘC THÁI TẠI HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

3.1. Kết quả khảo sát theo lớp

3.1.1. Lớp 1

Lớp 1, luận án khảo sát 119 HS Thái, 41 HS Mông, 11 HS Kinh, kết quả như sau:

Biểu đồ 3.1: Kết quả khảo sát theo CDR đối với lớp 1



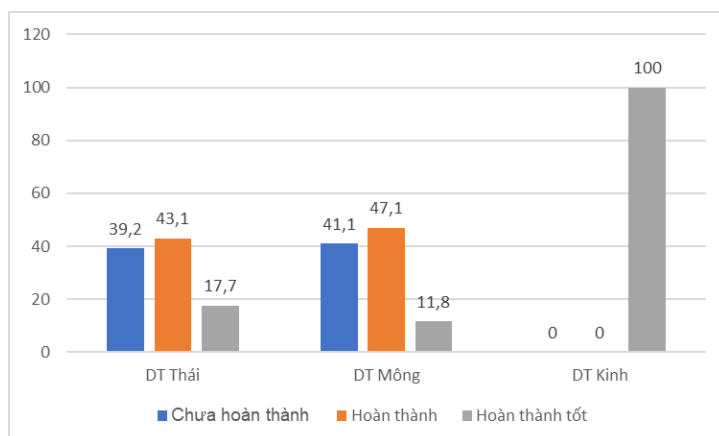
Kết quả ghi nhận rằng HS lớp 1 DT Thái có 58,8% đạt CDR trở lên, như vậy, số lượng chưa đạt chuẩn là khá lớn. So sánh với HS các DT

Kinh và Mông cùng trường, cùng lớp với cùng một phương pháp giáo dục, có thể thấy HS lớp 1 DT Kinh tốt nhất với 100% đạt CĐR trở lên, còn HS DT Mông yếu nhất với 53,7% đạt CĐR. Như vậy, mặc dù kết quả khá yếu nhưng trong sự so sánh với HS các DT khác thì HS Thái vẫn ở mức trung bình.

3.1.2. Lớp 2

Lớp 2, luận án khảo sát 130 HS Thái, 34 HS Mông, 12 HS Kinh, kết quả như sau:

Biểu đồ 3.3. Kết quả khảo sát theo CĐR đối với lớp 2



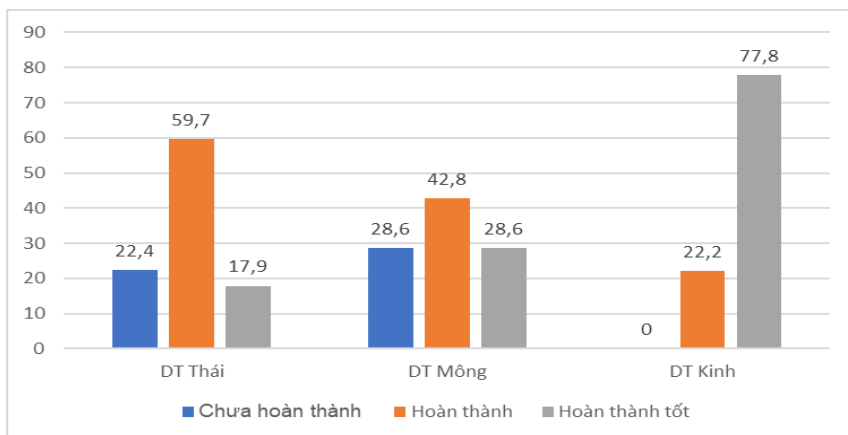
Kết quả đánh giá tổng thể NL viết tiếng Việt của HS lớp 2 có 60,8% đạt CĐR trở lên, tỉ lệ này cao hơn 2% so với lớp 1, tuy nhiên đây là một con số thật sự không lạc quan. So sánh với HS các DT Kinh và Mông cùng trường, cùng lớp với cùng một phương pháp giáo dục, có thể thấy HS lớp 2 DT Kinh tốt nhất với 100% đạt và vượt chuẩn, còn HS DT Mông yếu nhất với 58,9% đạt CĐR. Như vậy, mặc dù kết quả khá yếu nhưng trong sự so sánh với HS các DT khác thì HS Thái vẫn ở mức trung bình.

3.1.3. Lớp 3

3.1.3.1. Kết quả khảo sát chung theo chuẩn đầu ra

Lớp 3, luận án khảo sát 134 HS Thái, 21 HS Mông, 9 HS Kinh, kết quả như sau:

Biểu đồ 3.5. Kết quả khảo sát theo CDR đối với lớp 3



Kết quả đánh giá tổng thể NL viết tiếng Việt của HS lớp 3 có 77,6% đạt CDR trở lên, tỉ lệ này cao hơn 16,8% so với lớp 2. Cũng giống như lớp 1, 2, NL viết tiếng Việt của HS lớp 3 DT Kinh vẫn là tốt hơn cả với 100% đạt và vượt chuẩn, tiếp đó là HS DT Thái với 77,6% đạt CDR và vượt chuẩn; HS DT Mông yếu nhất với 71,4% đạt CDR và vượt chuẩn.

3.2. Kết quả khảo sát theo các yêu cầu về năng lực

3.2.1. Yêu cầu về kiến thức tiếng Việt

Qua khảo sát, kết quả chung về NL kiến thức tiếng Việt như sau:

Mức Lớp	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
1	29	27	63	119
2	54	42	34	130
3	48	58	28	134

3.2.2. Yêu cầu về viết chính tả

Qua khảo sát, kết quả chung về NL viết chính tả như sau:

Mức Lớp	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
1	43	27	49	119
2	45	51	34	130
3	9	51	74	134

3.2.3. Yêu cầu về viết câu/đoạn văn

Qua khảo sát, kết quả chung về NL viết câu/ đoạn văn như sau:

Mức Lớp	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
1	86	29	4	119
2	79	35	16	130
3	77	50	7	134

3.3. Kết quả khảo sát lỗi

3.3.1. Lỗi chính tả

- Lỗi âm vị: Với 383 bài khảo sát, có 2 244 lượt lỗi. Trong đó, lỗi viết sai chữ cái ghi phụ âm đầu có 1 059 lượt lỗi, chủ yếu HS nhầm lẫn l > đ, đ > l, b > v, v > b. Lỗi vần có 950 lượt và xảy ra ở cả âm đệm, âm chính và âm cuối; Lỗi dấu thanh có 235 lượt.

- Lỗi viết hoa có 518 lượt, trong đó có 349 lượt lỗi không viết hoa tên riêng, 117 lượt lỗi không viết hoa đầu câu, 52 lượt lỗi viết hoa tùy tiện.

3.3.2. Lỗi dùng từ

Lỗi dùng từ, luận án ghi nhận kết quả như sau:

Bảng 3.17. Lỗi về dùng từ

Loại lỗi	Lượt lỗi/ khối lớp			Tổng số lượt lỗi	Tỉ lệ %
	1	2	3		

Lỗi dùng sai khả năng kết hợp của từ	81	136	12	229	45,2
Lỗi dùng sai nghĩa của từ	63	87	21	171	33,7
Lỗi lặp từ, thừa từ	16	39	42	107	21,1
Tổng	160	262	85	507	100,0

3.3.3. Lỗi viết câu

Kết quả ghi nhận như sau:

Bảng 3.18. Lỗi về viết câu

Loại lỗi	Khối lớp			Tổng số lượt lỗi	Tỉ lệ %
	1	2	3		
Sai do thiếu lượng tin	88	167	97	352	68,8
Sai về dấu câu	49	62	49	160	31,2
Tổng	137	229	146	512	100,0

3.3.4. Lỗi viết đoạn văn

Luận án ghi nhận có 3 loại lỗi khi viết đoạn văn HS thường mắc là: Lỗi liên kết và mạch lạc (142 lượt lỗi); lỗi chủ đề (55 lượt); lỗi hình thức trình bày (99 lượt).

3.4. Tổng hợp kết quả khảo sát năng lực viết tiếng Việt của HS tiểu học DT Thái huyện Điện Biên Đông

Kết quả cho thấy có 66,1% HS các lớp từ lớp 1 đến lớp 3 hoàn thành NL viết trở lên (đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình), đồng nghĩa với việc vẫn còn 33,9% HS dân tộc Thái từ lớp 1 đến lớp 3 của huyện Điện Biên Đông chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt về NL viết theo CT GDPT. Tỉ lệ này rất đáng báo động.

3.5. Tiểu kết chương 3

Xét về NL viết, tỉ lệ HS chưa đạt CĐR ở cả 3 yêu cầu tương đối cao, chiếm 33,9%. Xét theo địa phương, HS càng ở gần khu vực có điều kiện thuận lợi, NL viết có chiều hướng tốt hơn. Xét theo giới, số HS nữ đạt CĐR cao hơn HS nam. Xét về lỗi, lỗi nhầm chữ ghi phụ âm đầu chiếm tỉ lệ cao nhất. Lỗi từ ngữ thì phổ biến là lỗi lặp từ, thừa từ, lỗi dùng sai nghĩa của từ, lỗi dùng sai khả năng kết hợp của từ. Lỗi viết câu sai do thiếu lượng tin là lỗi mà HS mắc nhiều nhất. Về viết đoạn văn thì HS mắc phổ biến là lỗi về liên kết và mạch lạc, lỗi về hình thức đoạn văn, lỗi về chủ đề.

Chương 4

MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NĂNG LỰC VIẾT VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC VIẾT CHO HỌC SINH DÂN TỘC THÁI CẤP TIỂU HỌC TẠI HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

4.1. Một số nhân tố ảnh hưởng đến năng lực viết tiếng Việt của học sinh tiểu học dân tộc Thái (lớp 1, 2, 3) tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

4.1.1 Các nhân tố chung

Kết quả ghi nhận một số nhân tố chung ảnh hưởng nhất định đến NL viết của HS như: Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội; môi trường nhà trường (đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý, cơ sở vật chất của nhà trường) và các nhân tố về ngôn ngữ. Kết quả khảo sát cũng cho thấy xã nào có tỉ lệ hộ nghèo cao, chất lượng đội ngũ giáo viên còn hạn chế, cán bộ quản lý chưa quan tâm nhiều đến chuyên môn mà còn nặng về thành tích và cơ sở vật chất trường lớp chưa đảm thì NL viết của HS cũng yếu hơn khu vực còn lại.

4.1.2. Một số nhân tố cụ thể

4.1.2.1. Tương quan giữa kết quả đánh giá NL của HS với các đặc điểm xã hội liên quan đến HS và phụ huynh

Kết quả phân tích định lượng cho thấy các nhân tố giới tính, nghề nghiệp, học vấn của phụ huynh và điều kiện kinh tế gia đình có ảnh hưởng quan trọng đến kết quả đánh giá NL viết tiếng Việt của HS. Các tương quan này đều đạt mức đáng kể, thậm chí rất đáng kể về mặt thống kê ($0,037 > p > 0,000$). Kết quả này hoàn toàn tương ứng với kết quả của các nghiên cứu trước đó ở các cộng đồng DTTS khác.

4.1.2.2. Tương quan giữa kết quả đánh giá NL của HS với đặc điểm, thói quen, thái độ và sự lựa chọn ngôn ngữ của HS

Có hai tương quan rất đáng chú ý với mức khác biệt cao về mặt thống kê. Đó là tương quan giữa kết quả đánh giá NL viết tiếng Việt với phân môn tiếng Việt mà HS thấy yêu thích nhất hoặc gặp khó khăn nhất khi học ($p=0,000$). Tuy nhiên có 2 tương quan giữa NL viết tiếng Việt với tần suất đọc sách, truyện và xem các chương trình TV bằng tiếng Việt không đạt mức khác biệt thống kê ($p = 0,734$ và $p = 0,560$).

4.1.2.3. Tương quan giữa kết quả đánh giá NL của HS với thái độ và sự lựa chọn ngôn ngữ của phụ huynh

Ở phương diện này, tư liệu phân tích định lượng ghi nhận: (1) Những HS có phụ huynh lựa chọn dùng tiếng Việt và các dạng thức pha trộn ngôn ngữ trong gia đình thì con em họ có tỉ lệ đạt và vượt chuẩn cao hơn; (2) Gia đình nào mà phụ huynh hỗ trợ con em học tập ở nhà thì kết quả học tập của con em họ có sự khác biệt lớn đối với những HS mà không nhận được sự hỗ trợ đó; (3) Những gia đình mà bố mẹ, anh chị thường xuyên hoặc thỉnh thoảng mua sách, truyện tiếng Việt cho con đọc thì kết quả học tập của con đạt hoặc vượt chuẩn cao hơn; (4) Nếu bố mẹ cho rằng tiếng Việt hoặc cả tiếng Việt và tiếng Thái là cần thiết phải học thì

kết quả đánh giá NL của con sẽ cao hơn. Tất cả các tương quan đều đạt mức đáng kể thống kê cao ($0,023 > p > 0,000$).

4.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực viết tiếng Việt cho học sinh dân tộc Thái cấp tiểu học tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

4.2.1. Những giải pháp chung

Luận án đã đưa ra một số giải pháp khắc phục như: Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; Đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ đảm bảo đủ các phòng bộ môn, diện tích phòng học, khuôn viên; Chú trọng xây dựng trường phổ thông dân tộc bán trú để tạo cơ hội cho HS được ăn, học tại trường; Huy động triệt để số trẻ 5 tuổi ra học mẫu giáo để làm tiền đề trước khi các em vào lớp 1; Xây dựng chính sách ngôn ngữ phù hợp đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay mà vẫn phù hợp với vùng miền.

4.2.2. Những giải pháp cụ thể

Luận án đã đưa ra những giải pháp để khắc phục lỗi ngôn ngữ như: khắc phục lỗi chính tả mà cụ thể là khắc phục lỗi HS Thái hay nhầm lẫn hai cặp phụ âm b/v, đ/l, lỗi các chữ ghi phần vần, lỗi sai dấu thanh, lỗi viết hoa tùy tiện; khắc phục lỗi dùng từ (lỗi về khả năng kết hợp của từ, lỗi do dùng sai nghĩa của từ, lỗi do lặp từ, thừa từ); khắc phục lỗi về viết câu (lỗi sai do thiếu lượng tin, lỗi về dấu câu); khắc phục lỗi viết đoạn văn (lỗi về liên kết và mạch lạc, lỗi về hình thức đoạn văn, lỗi về chủ đề).

Căn cứ vào kết quả điều tra ảnh hưởng của những yếu tố ngoài ngôn ngữ, Luận án cũng đưa ra giải pháp tập trung vào những nhân tố liên quan đến HS và những nhân tố liên quan đến phụ huynh, gia đình.

4.3. Tiểu kết chương 4

Điều kiện tự nhiên và xã hội; điều kiện về môi trường như đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý và cơ sở vật chất của nhà trường có ảnh hưởng đến kết quả của HS. Bên cạnh đó, nghề nghiệp của bố mẹ, hoàn cảnh gia đình, khu vực cư trú (gần hay xa trung tâm), thái độ và sự lựa

chọn ngôn ngữ của HS khi giao tiếp với bạn bè trong trường học, phân môn học HS yêu thích nhất hay khó khăn nhất, sự quan tâm của phụ huynh đối với việc hỗ trợ cho con học tập ở nhà, ngôn ngữ phụ huynh và HS thường giao tiếp ở nhà, các loại lỗi chính tả, lỗi dùng từ, viết câu, viết đoạn/bài văn là những nhân tố cụ thể ảnh hưởng đến NL viết của HS.

Trên cơ sở xác định được các nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến kết quả CĐR của HS, luận án đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao NL viết tiếng Việt cho HS DT Thái cấp tiểu học tại tỉnh Điện Biên.

KẾT LUẬN

1. Trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo một vài bộ công cụ và khung đánh giá NL tiếng Việt cho học sinh DTTS cấp Tiểu học, dựa vào các yêu cầu cần đạt về NL viết của CTGDPT 2018 đối với các lớp 1, 2, 3, coi đó là những CĐR về NL viết mà HS cần đạt khi kết thúc mỗi lớp, luận án đã xây dựng được 3 bộ công cụ đánh giá dành cho 3 lớp để đo mức độ đáp ứng CĐR của chương trình. Đây là bộ công cụ đánh giá chi tiết theo các NL như kiến thức tiếng Việt; viết chính tả, viết câu, đoạn văn. Mỗi NL lại gồm nhiều chỉ số NL thành phần tương đương các CĐR được đánh giá bằng điểm số cụ thể theo thang điểm 10 và xếp loại theo 3 mức: *Chưa hoàn thành, hoàn thành, hoàn thành tốt*. Đây là Bộ công cụ đánh giá chi tiết theo đúng CĐR mà giáo viên hoặc các nhà trường có thể sử dụng làm bộ đề kiểm tra, đánh giá HS khi kết thúc năm học. Những CĐR chi tiết của các tiêu chuẩn đã được luận án xây dựng một cách thận trọng sẽ hỗ trợ giáo viên, nhà trường và phòng Giáo dục làm căn cứ để xây dựng ngân hàng đề kiểm tra kết thúc chương trình của từng lớp học.

2. Khảo sát theo 2 nhóm gồm nhóm nghiên cứu 383 HS DT Thái lớp 1, 2, 3 và nhóm chứng gồm 96 HS DT Mông, 32 HS DT Kinh, luận án thu được các kết quả sau:

- Xét tổng thể NL viết nói chung, tỉ lệ HS tiểu học DT Thái chưa đạt CĐR của cả 3 yêu cầu tương đối cao, chiếm 33,9%. Như vậy, chỉ có 66,1% HS tiểu học DT Thái ở huyện Điện Biên Đông đạt CĐR đối với NL viết tiếng Việt.

- Xét một cách chi tiết theo các yêu cầu cần đạt ở các tiêu chuẩn cụ thể thì tỉ lệ HS chưa đạt CĐR còn ở mức cao như: Yêu cầu viết câu, đoạn văn còn 63,2%, yêu cầu kiến thức tiếng Việt còn 34,2%, yêu cầu viết chính tả còn 26,6%. Trong 3 yêu cầu này, yêu cầu viết câu, đoạn văn của HS là đáng báo động nhất.

- Xét theo giới: kết quả khảo sát ghi nhận tỉ lệ HS nữ DT Thái đạt CĐR về NL viết tiếng Việt luôn cao hơn HS nam DT Thái.

- Xét theo 3 thành phần DT Kinh, Thái, Mông tham gia khảo sát thì NL viết tiếng Việt của HS DT Mông là yếu nhất. Cụ thể là, HS DT Kinh không có em nào chưa đạt CĐR, HS DT Thái còn 33,9% chưa đạt CĐR, HS DT Mông còn 40,6% chưa đạt CĐR. Như vậy, với cùng một môi trường học tập, cùng chương trình, SGK giống nhau nhưng NL viết tiếng Việt của HS DT Thái yếu hơn HS DT Kinh khá nhiều và chỉ khả quan hơn HS DT Mông chút ít. Tỉ lệ HS chưa đạt CĐR kể cả DT Thái và DT Mông đều giảm dần, lớp trên thấp hơn lớp dưới. Kết quả này là cơ sở quan trọng để các nhà sư phạm và hoạch định chính sách có những chiến lược giảng dạy và chính sách phù hợp với thực tế.

3. Luận án cũng đã chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả chung về NL viết của HS, trong đó có các yếu tố ngôn ngữ và các yếu tố ngoài ngôn ngữ. Các yếu tố ngôn ngữ được tìm thấy chủ yếu là các loại lỗi khi HS viết như lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi viết câu, viết đoạn văn. Khi viết chính tả, đặc biệt các em HS DT Thái nhầm lẫn các cặp phụ âm đ -l, b -v khá phổ biến mà học sinh các dân tộc khác không nhầm lẫn 2 cặp phụ âm này. Lỗi dùng từ phổ biến là các lỗi dùng sai kết hợp từ, dùng sai nghĩa của từ, lỗi lặp từ, thừa từ. Lỗi viết câu thì chủ yếu là lỗi thiếu lượng

thông tin, lỗi sai dấu câu. Lỗi viết đoạn chủ yếu là các lỗi về liên kết và mạch lạc, lỗi về hình thức đoạn văn, lỗi về chủ đề. Kết quả này là những gợi ý tốt để các giáo viên trực tiếp đứng lớp có sự chuẩn bị các phương án giúp HS khắc phục.

4. Kết quả nghiên cứu thu được cũng cho thấy rằng có một số nhân tố ngoài ngôn ngữ đã ảnh hưởng đến NL viết tiếng Việt của HS, đó là:

- Điều kiện tự nhiên và xã hội là nhân tố ảnh hưởng không nhỏ đến NL tiếng Việt nói chung, NL viết tiếng Việt nói riêng. Ba xã được luận án lựa chọn khảo sát đều có đa thành phần DT sống đan xen, với đặc điểm vị trí địa lý không giống nhau. Kết quả phân tích cho thấy HS ở xã có tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, cơ sở hạ tầng thiếu thốn, thiếu điện lưới, thiếu các dịch vụ xã hội thì kết quả HS chưa đạt CĐR có phần cao hơn xã còn lại.

- Điều kiện học tập như đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý và cơ sở vật chất của nhà trường cũng ảnh hưởng đến kết quả CĐR của HS. Kết quả cho thấy ở đơn vị trường nào có đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn tốt, cán bộ quản lý không nặng về thành tích, tâm huyết với nghề, quan tâm chỉ đạo đội ngũ làm tốt công tác chuyên môn thì kết quả học tập của HS có xu hướng tốt hơn.

- Nghề nghiệp của bố mẹ; hoàn cảnh gia đình; khu vực cư trú (gần hay xa trung tâm); thái độ và sự lựa chọn ngôn ngữ của HS khi giao tiếp với bạn bè trong trường học; phân môn học mà HS yêu thích nhất hay khó khăn nhất; sự quan tâm của phụ huynh đối với việc hỗ trợ cho con học tập ở nhà; ngôn ngữ phụ huynh và HS thường giao tiếp ở nhà có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả của các em. Những HS được gia đình quan tâm, bố mẹ có trình độ, ngôn ngữ giao tiếp trong gia đình hay với bạn bè, thầy cô bằng tiếng Việt hoặc pha trộn thì tương ứng với tỉ lệ đạt CĐR cao hơn. Tất cả các tương quan vừa nêu đều có mức đáng kể thống kê rất cao, test Chi bình phương giao động từ 0,02 đến 0,000, trong đó giá trị 0,000 chiếm tỉ lệ rất lớn.

5. Để nâng cao NL viết tiếng Việt cho HS DT Thái cấp tiểu học tại tỉnh Điện Biên, luận án đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng chung như: nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên cả về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, đầu tư cơ sở hạ tầng đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định của CTGDPT 2018, chú trọng xây dựng trường học Phổ thông DT bán trú để HS có cơ hội và môi trường sống, học tập tốt hơn, tiếp cận với tiếng Việt nhiều hơn, xây dựng chính sách ngôn ngữ cho phù hợp với vùng miền. Bên cạnh đó là một số giải pháp cụ thể như khắc phục lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi viết câu, lỗi viết đoạn văn cũng được đề xuất vì chính những lỗi này đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả đầu ra của HS.

Các giải pháp cần khắc phục mà luận án đã chỉ ra, hi vọng sẽ giúp giáo viên, nhà quản lý giáo dục có cái nhìn toàn diện hơn về bức tranh giáo dục vùng đồng bào DTTS Tây Bắc để có những định hướng mới cả về chương trình, sách giáo khoa, mô hình trường học (trường bán trú và nội trú) đến phương pháp giảng dạy ..v.v sao cho phù hợp với vùng miền.

6. Những hạn chế của nghiên cứu và định hướng tương lai

- Đề tài mặc dù có phạm vi nghiên cứu là NL viết tiếng Việt của HS DT Thái cấp tiểu học tại Điện Biên (trường hợp huyện Điện Biên Đông), nhưng luận án mới chỉ tập trung khảo sát và phân tích kết quả khảo sát đối với HS lớp 1, 2, 3 của 3 xã mà chưa khảo sát được tất cả HS DT Thái cấp tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5 của huyện. Lí do là vì thời điểm khảo sát (năm học 2022 – 2023), CTGDPT 2018 và SGK mới mới triển khai đến lớp 3.

- Kết quả khảo sát mới chỉ thực hiện trên 1 bộ công cụ như là một bài kiểm tra Tiếng Việt vào cuối năm học nên việc đánh giá mới chỉ là đánh giá thời điểm, chưa có kết quả đánh giá quá trình, vì vậy, kết quả có thể chưa phản ánh thực sự chính xác NL viết của HS. Tuy vậy, chúng tôi vẫn

hi vọng kết quả này cũng đã cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về NL viết của các em.

- Luận án mới chỉ tập trung vào đánh giá định lượng (điểm số), mà chưa có nghiên cứu định tính (quan sát, phỏng vấn sâu).

- Do hạn chế về thời gian, tác giả luận án chưa thể hỏi được 100% số HS và phụ huynh thuộc nhóm nghiên cứu, mới chỉ dừng lại ở con số 115 HS được lựa chọn ngẫu nhiên trong số 383 HS thuộc nhóm chứng và tương ứng là 115 phụ huynh để làm rõ các nhân tố ngoài ngôn ngữ đã ảnh hưởng đến NL viết tiếng Việt của HS như thế nào.

- Do tập trung nghiên cứu NL viết, một NL mà những chỉ báo ban đầu cho thấy HS gặp nhiều vấn đề nhất mà luận án chưa khảo sát được các NL còn lại như NL đọc, NL nói và nghe. Đây cũng là những NL thành phần quan trọng cấu thành NL tiếng Việt nói chung của HS.

Với những hạn chế vừa nêu, trong tương lai, nếu điều kiện cho phép, chúng tôi mong muốn được nghiên cứu những NL thành phần còn lại gồm NL đọc, NL nói và nghe để hoàn thiện bức tranh về NL tiếng Việt của HS tiểu học DT Thái ở Điện Biên. Bên cạnh đó, việc khảo sát tổng thể NL tiếng Việt của HS các DT trên địa bàn huyện, tỉnh và có cái nhìn so sánh để xem xét mức độ NL ở HS từng DT, từ đó có chính sách, giải pháp phù hợp giúp HS mỗi DT nâng cao NL tiếng Việt để tiếp cận dễ dàng hơn với CTGDPT 2018 và SGK mới là một việc làm cần thiết.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyen Van Tang (2021), “Some characteristics of the language situation of the ethnic Thai community in Dien Bien Dong district - Dien Bien province”, *The First International conference on the issues of social sciences and humanities*, University of social sciences and humanities – Vietnam national university Hanoi, ISBN 978-604-9962-20-2, pp. 2019 – 2037.
2. Nguyễn Văn Tăng (2022), “Tình hình sử dụng tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt của người Thái là nữ giới ở xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống* (10) -2022, ISSN 0868-3409, tr 112-120.
3. Nguyen Van Tang (2024), “Developing assessment tools and surveys on the writing skills of grade 1 ethnic Thai students in Dien Bie Dong district, Dien Bien province, Viet Nam”, *Second International conference on the issues of social sciences and humanities*, University of social sciences and humanities – Vietnam national university Hanoi, ISBN 978-604-43-1656-7, pp. 803 - 820.